

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 2 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2312A** Số tín chỉ: 5
CBGD **Nguyễn Trung Lục**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123120099	Nguyễn Minh	An	22/02/2005	CCQ2312B	6.7	7.0	6.9
2	2119110135	Nguyễn Phan Trường	An	09/02/2001	CCQ1911E	7	6.6	6.8
3	2123120063	Lê Thị Kiều	Diễm	15/10/2005	CCQ2312B	5.1	5.0	5.0
4	2123120040	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	11/10/2005	CCQ2312A	7.2	7.0	7.1
5	2123120088	Nguyễn Thị	Diệu	23/01/2005	CCQ2312B	8	9.2	8.7
6	2123120039	Phan	Dương	18/10/2005	CCQ2312A	6.6	6.6	6.6
7	2123120050	Trần Thị Mai	Dương	05/02/2005	CCQ2312A	7.4	6.6	6.9
8	2123120056	Đinh Thị Thuý	Hằng	23/12/2005	CCQ2312B	6.5	5.8	6.1
9	2123120071	Hoàng Thị Thu	Hằng	02/11/2005	CCQ2312B	6.4	6.8	6.6
10	2123120101	Lương Thị Bích	Hạnh	20/09/2005	CCQ2312B	7.6	5.8	6.5
11	2123120030	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	26/02/2005	CCQ2312A	8	4.8	6.1
12	2123120065	Lâm Thị Xuân	Hiền	18/02/2005	CCQ2312B	7.2	6.2	6.6
13	2123120005	Nguyễn Thị Ngọc	Hơn	04/04/2003	CCQ2312A	7	7.0	7.0
14	2121060032	Nguyễn Hoàng	Huân	17/09/2002	CCQ2106A	7.6	5.8	6.5
15	2123120033	Nguyễn Văn	Hùng	25/12/2004	CCQ2312A	7.9	6.8	7.2
16	2123120095	Đỗ Thị Lan	Hương	07/02/2005	CCQ2312B	7.5	7.8	7.7
17	2123120540	Trần Gia	Huy	19/07/2005	CCQ2312A	6.1	5.6	5.8
18	2123120017	Trương Quang	Khải	16/01/2004	CCQ2312A	0		0.0
19	2121110372	Huỳnh Minh	Khang	03/02/2003	CCQ2111H	7.9	6.4	7.0
20	2123120077	Nguyễn Thị Trúc	Khanh	07/02/2005	CCQ2312B	6.8	5.2	5.8
21	2123120060	Thân Trọng	Khánh	08/07/2005	CCQ2312B	8.1	7.4	7.7
22	2123120070	Nông Thị Thúy	Kiều	20/11/2005	CCQ2312B	6.8	7.2	7.0
23	2123120037	Nguyễn Thị Diễm	Linh	31/12/2005	CCQ2312A	0		0.0
24	2123120080	Nguyễn Thị Yến	Linh	21/11/2005	CCQ2312B	6.5	8.0	7.4
25	2123120082	Nguyễn Thị Ái	Loan	09/08/2003	CCQ2312B	8.3	7.8	8.0

26	2123120014	Phan Tấn	Lộc	02/09/2005	CCQ2312A	6.9	5.0	5.8
27	2123120057	Nguyễn Thị Khánh	Ly	13/05/2005	CCQ2312B	7.4	6.2	6.7
28	2121270112	Dương Thị Tuyết	Mai	10/01/2003	CCQ2127D	7.4	5.8	6.4
29	2123120034	Dương Nguyệt	Minh	14/02/2005	CCQ2312A	6.6	5.4	5.9
30	2123120006	Lê Thị Giáng	My	13/09/2005	CCQ2312A	7.5	7.4	7.4
31	2123120042	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	CCQ2312A	8	6.6	7.2
32	2123120045	Dương Thị Phượng	Nga	16/07/2005	CCQ2312A	8	7.4	7.6
33	2123120044	Bạch Thị Kim	Ngân	22/04/2005	CCQ2312A	7.7	7.4	7.5
34	2121100196	Lê Tuyết	Ngân	22/03/2001	CCQ2110F	7.7	5.4	6.3
35	2123120018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/07/2005	CCQ2312A	7.9	4.0	5.6
36	2123120035	Vũ Hữu	Nghĩa	21/04/2004	CCQ2312A	8.3	6.8	7.4
37	2123120510	Ngô Lệ Bích	Ngọc	18/06/2005	CCQ2312B	7.1	5.8	6.3
38	2123120059	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	27/02/2005	CCQ2312B	6.7	5.8	6.2
39	2121110332	Hồ Trung	Nhân	12/05/2003	CCQ2111J	8.1	6.0	6.8
40	2123120096	Lê Quang	Nhân	31/05/2005	CCQ2312B	8.1	6.6	7.2
41	2123120090	Huỳnh Thị Thảo	Như	01/12/2005	CCQ2312B	7.6	6.6	7.0
42	2122120263	Hà Thị Tuyết	Nhung	06/02/2004	CCQ2212H	7	7.2	7.1
43	2123120066	Hoàng Thị Kim	Oanh	17/11/2005	CCQ2312B	7.4	6.6	6.9
44	2123120712	Võ Thị Mỹ	Phấn	14/08/2005	CCQ2312B	7.1	4.0	5.2
45	2123120048	Sỳ Chí	Phong	11/08/2005	CCQ2312A	0		0.0
46	2123120008	Phan Văn	Phú	25/03/2003	CCQ2312A	6.9	5.0	5.8
47	2123120075	Hồ Văn	Phước	05/10/2005	CCQ2312B	7.9	5.0	6.2
48	2123120011	Hà Thị Mai	Phương	07/11/2005	CCQ2312A	7.3	6.4	6.8
49	2123120100	Võ Thị Ngọc	Quý	14/08/2005	CCQ2312B	6.4	4.0	5.0
50	2123120061	Trần Giáng	Quyên	10/02/2005	CCQ2312B	6.6	5.8	6.1
51	2123120085	Nguyễn Ngô Như	Quỳnh	21/05/2005	CCQ2312B	7.8	6.4	7.0
52	2123120043	Nguyễn Ngọc Thanh	Sơn	09/02/2005	CCQ2312A	6.9	7.4	7.2
53	2123120047	Đào Nhật Anh	Tân	13/06/2004	CCQ2312A	5.3	5.0	5.1
54	2123120073	Nguyễn Thanh	Thái	22/07/2005	CCQ2312B	0		0.0
55	2123120054	Phạm Minh	Thắng	17/01/2004	CCQ2312A	0		0.0
56	2123120084	Trần Duy	Thắng	22/03/2003	CCQ2312B	7.5	5.8	6.5
57	2123120515	Trần Anh	Thư	03/04/2005	CCQ2312B	5.4	7.4	6.6
58	2123120009	Võ Minh	Thư	25/07/2005	CCQ2312A	7.9	6.4	7.0
59	2123120041	Nguyễn Thị Thu	Thủy	06/11/2005	CCQ2312A	0		0.0
60	2118100218	Kiều Thị Mộng	Thúy	28/10/1997	CCQ1810C	7.2	7.0	7.1
61	2123120083	Bùi Thị	Thủy	20/10/2003	CCQ2312B	7.6	6.2	6.8

62	2123120320	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/06/2005	CCQ2312A	7.6	7.0	7.2
63	2123120029	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	01/01/2004	CCQ2312A	0		0.0
64	2123120058	Trần Thị Mai	Trinh	02/07/2005	CCQ2312B	7.6	6.6	7.0
65	2123120013	Hà Thanh	Tú	15/11/2004	CCQ2312A	5.8	4.6	5.1
66	2123120031	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/09/2005	CCQ2312A	0		0.0
67	2123120076	Bùi Kim	Tuyền	04/10/2005	CCQ2312B	7.8	6.6	7.1
68	2123120021	Thái Thị Thanh	Tuyền	17/06/2005	CCQ2312A	7.1	6.8	6.9
69	2123120010	Ngô Thị Tường	Vi	03/09/2005	CCQ2312A	6.8	6.0	6.3
70	2123120086	Bạch Mai	Vy	02/08/2005	CCQ2312B	7.7	8.8	8.4
71	2123120078	Phan Thị Tường	Vy	13/08/2005	CCQ2312B	7.3	5.4	6.2
72	2123120074	Trần Ngọc	Xuyến	11/10/2005	CCQ2312B	7.9	6.8	7.2
73	2123120020	Lý Thị Phi	Yến	09/05/2005	CCQ2312A	0		0.0

Tp. Thủ Đức, ngày 18 tháng 03 năm 2024

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM

Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2- Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2312A
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123120099	Nguyễn Minh	An	22/02/2005	CCQ2312B	6.0	6.0	7.0	5.0	9.0	6.7	
2	2119110135	Nguyễn Phan Trường	An	09/02/2001	CCQ1911E	5.0	5.0	7.0	7.0	9.0	7.0	
3	2123120063	Lê Thị Kiều	Diễm	15/10/2005	CCQ2312B	5.0	6.0	6.5	0.0	9.0	5.1	
4	2123120040	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	11/10/2005	CCQ2312A	5.0	6.5	6.5	7.3	9.0	7.2	
5	2123120088	Nguyễn Thị	Diệu	23/01/2005	CCQ2312B	7	6.5	6.5	9	9	8.0	
6	2123120039	Phan	Dương	18/10/2005	CCQ2312A	5.0	4.5	7.0	6.0	9.0	6.6	
7	2123120050	Trần Thị Mai	Dương	05/02/2005	CCQ2312A	6.0	5.0	6.5	8.3	9.0	7.4	
8	2123120056	Đinh Thị Thuý	Hằng	23/12/2005	CCQ2312B	6.5	7.0	6.0	5.0	8.0	6.5	
9	2123120071	Hoàng Thị Thu	Hằng	02/11/2005	CCQ2312B	5.0	6.0	6.0	5.0	9.0	6.4	
10	2123120101	Lương Thị Bích	Hạnh	20/09/2005	CCQ2312B	6.0	6.0	6.0	8.7	9.0	7.6	
11	2123120030	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	26/02/2005	CCQ2312A	7.0	7.0	6.0	8.0	10.0	8.0	
12	2123120065	Lâm Thị Xuân	Hiền	18/02/2005	CCQ2312B	6.0	6.0	6.0	7.3	9.0	7.2	
13	2123120005	Nguyễn Thị Ngọc	Hơn	04/04/2003	CCQ2312A	6.0	7.0	6.5	5.7	9.0	7.0	
14	2121060032	Nguyễn Hoàng	Huân	17/09/2002	CCQ2106A	6.5	6.0	7.0	9.7	7.0	7.6	
15	2123120033	Nguyễn Văn	Hùng	25/12/2004	CCQ2312A	5.5	6.5	7.0	9.0	9.0	7.9	
16	2123120095	Đỗ Thị Lan	Hương	07/02/2005	CCQ2312B	5.0	6.5	6.5	8.3	9.0	7.5	
17	2123120540	Trần Gia	Huy	19/07/2005	CCQ2312A	6.5	6.5	7.0	8.3	3.0	6.1	
18	2123120017	Trương Quang	Khải	16/01/2004	CCQ2312A						0.0	
19	2121110372	Huỳnh Minh	Khang	03/02/2003	CCQ2111H	6.0	4.0	7.0	10.0	9.0	7.9	
20	2123120077	Nguyễn Thị Trúc	Khanh	07/02/2005	CCQ2312B	5.0	7.0	6.0	5.7	9.0	6.8	
21	2123120060	Thân Trọng	Khánh	08/07/2005	CCQ2312B	5.5	6.5	7.0	10.0	9.0	8.1	
22	2123120070	Nông Thị Thúy	Kiều	20/11/2005	CCQ2312B	6.5	6.5	6.0	6.3	8.0	6.8	
23	2123120037	Nguyễn Thị Diễm	Linh	31/12/2005	CCQ2312A						0.0	
24	2123120080	Nguyễn Thị Yến	Linh	21/11/2005	CCQ2312B	6.5	5.0	6.5	4.7	9.0	6.5	
25	2123120082	Nguyễn Thị Ái	Loan	09/08/2003	CCQ2312B	7.5	8.0	6.5	9.0	9.0	8.3	
26	2123120014	Phan Tấn	Lộc	02/09/2005	CCQ2312A	5.0	5.5	7.0	6.3	9.0	6.9	

27	2123120057	Nguyễn Thị Khánh	Ly	13/05/2005	CCQ2312B	7.0	7.0	6.0	8.0	8.0	7.4	
28	2121270112	Dương Thị Tuyết	Mai	10/01/2003	CCQ2127D	6.0	7.0	6.5	7.0	9.0	7.4	
29	2123120034	Dương Nguyệt	Minh	14/02/2005	CCQ2312A	6.5	6.5	6.0	6.7	7.0	6.6	
30	2123120006	Lê Thị Giáng	My	13/09/2005	CCQ2312A	5.0	5.0	6.5	9.0	9.0	7.5	
31	2123120042	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	CCQ2312A	7.0	6.5	6.5	9.0	9.0	8.0	
32	2123120045	Dương Thị Phượng	Nga	16/07/2005	CCQ2312A	5.5	6.5	6.5	8.7	10	8.0	
33	2123120044	Bạch Thị Kim	Ngân	22/04/2005	CCQ2312A	6.0	6.5	6.0	8.7	9.0	7.7	
34	2121100196	Lê Tuyết	Ngân	22/03/2001	CCQ2110F	7.0	6.5	6.5	8.0	9.0	7.7	
35	2123120018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/07/2005	CCQ2312A	6.5	6.5	6.0	9.0	9.0	7.9	
36	2123120035	Vũ Hữu	Nghĩa	21/04/2004	CCQ2312A	5.5	6.0	7.0	9.7	10.0	8.3	
37	2123120510	Ngô Lệ Bích	Ngọc	18/06/2005	CCQ2312B	6.5	7.0	6.0	6.0	9.0	7.1	
38	2123120059	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	27/02/2005	CCQ2312B	6.0	6.5	6.0	5.3	9.0	6.7	
39	2121110332	Hồ Trung	Nhân	12/05/2003	CCQ2111J	7.0	7.0	7.0	9.0	9.0	8.1	
40	2123120096	Lê Quang	Nhân	31/05/2005	CCQ2312B	6.5	7.0	7.0	8.0	10.0	8.1	
41	2123120090	Huỳnh Thị Thảo	Như	01/12/2005	CCQ2312B	5.5	8.0	6.5	7.7	9.0	7.6	
42	2122120263	Hà Thị Tuyết	Nhung	06/02/2004	CCQ2212H	5.0	6.0	6.5	7.7	8.0	7.0	
43	2123120066	Hoàng Thị Kim	Oanh	17/11/2005	CCQ2312B	6.0	6.5	6.5	7.3	9.0	7.4	
44	2123120712	Võ Thị Mỹ	Phấn	14/08/2005	CCQ2312B	5.0	6.5	6.0	8.0	8.0	7.1	
45	2123120048	Sỳ Chí	Phong	11/08/2005	CCQ2312A						0.0	
46	2123120008	Phan Văn	Phú	25/03/2003	CCQ2312A	5.5	6.0	7.0	7.0	8.0	6.9	
47	2123120075	Hồ Văn	Phước	05/10/2005	CCQ2312B	7.0	6.0	7.0	8.7	9.0	7.9	
48	2123120011	Hà Thị Mai	Phương	07/11/2005	CCQ2312A	7.0	6.5	6.0	6.7	9.0	7.3	
49	2123120100	Võ Thị Ngọc	Quý	14/08/2005	CCQ2312B	5.0	6.0	6.0	5.0	9.0	6.4	
50	2123120061	Trần Giáng	Quyên	10/02/2005	CCQ2312B	5.0	5.0	6.0	6.0	9.0	6.6	
51	2123120085	Nguyễn Ngô Như	Quỳnh	21/05/2005	CCQ2312B	6.5	7.0	6.5	7.3	10.0	7.8	
52	2123120043	Nguyễn Ngọc Thanh	Sơn	09/02/2005	CCQ2312A	6.0	6.5	7.0	5.3	9.0	6.9	
53	2123120047	Đào Nhật Anh	Tân	13/06/2004	CCQ2312A	6.0	6.0	7.0	0.0	9.0	5.3	
54	2123120073	Nguyễn Thanh	Thái	22/07/2005	CCQ2312B						0.0	
55	2123120054	Phạm Minh	Thắng	17/01/2004	CCQ2312A						0.0	
56	2123120084	Trần Duy	Thắng	22/03/2003	CCQ2312B	5.0	7.0	7.0	7.7	9.0	7.5	
57	2123120515	Trần Anh	Thư	03/04/2005	CCQ2312B	5.0	7.0	6.0	0.0	10.0	5.4	
58	2123120009	Võ Minh	Thư	25/07/2005	CCQ2312A	6.0	6.5	6.5	9.0	9.0	7.9	
59	2123120041	Nguyễn Thị Thu	Thủy	06/11/2005	CCQ2312A						0.0	
60	2118100218	Kiều Thị Mộng	Thúy	28/10/1997	CCQ1810C	7.0	7.5	6.0	6.0	9.0	7.2	
61	2123120083	Bùi Thị	Thủy	20/10/2003	CCQ2312B	6.0	7.0	6.5	7.7	9.0	7.6	
62	2123120320	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/06/2005	CCQ2312A	6.5	6.0	6.5	8.0	9.0	7.6	

63	2123120029	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	01/01/2004	CCQ2312A						0.0	
64	2123120058	Trần Thị Mai	Trình	02/07/2005	CCQ2312B	5.0	7.0	6.5	8.3	9.0	7.6	
65	2123120013	Hà Thanh	Tú	15/11/2004	CCQ2312A	5.0	6.5	7.0	2.0	9.0	5.8	
66	2123120031	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/09/2005	CCQ2312A						0.0	
67	2123120076	Bùi Kim	Tuyển	04/10/2005	CCQ2312B	6.0	6.5	6.0	9.0	9.0	7.8	
68	2123120021	Thái Thị Thanh	Tuyền	17/06/2005	CCQ2312A	7.0	6.5	6.0	6.0	9.0	7.1	
69	2123120010	Ngô Thị Tường	Vi	03/09/2005	CCQ2312A	5.0	6.5	6.5	5.7	9.0	6.8	
70	2123120086	Bạch Mai	Vy	02/08/2005	CCQ2312B	6.0	6.5	6.5	8.3	9.0	7.7	
71	2123120078	Phan Thị Tường	Vy	13/08/2005	CCQ2312B	5.5	6.0	6.0	7.7	9.0	7.3	
72	2123120074	Trần Ngọc	Xuyến	11/10/2005	CCQ2312B	6.5	6.5	6.0	9.0	9.0	7.9	
73	2123120020	Lý Thị Phi	Yến	09/05/2005	CCQ2312A						0.0	

Thủ Đức, ngày 18 tháng 03 năm 2024

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục